

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Vân A; ĐKKHKT: Thôn VT, xã VQ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Hokkaido-mashike gun.mashike chou.sokan chou-3-93 Kitanihon kaisha no shukusha, Nhật Bản; vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B; nơi cư trú: Thôn VT, xã VQ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai (Đã được hợp pháp hóa lãnh sự), nguyên đơn là chị Phạm Thị Vân A trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn B xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương từ ngày 28/4/2014. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ

chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, ít quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B càng sớm càng tốt để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015. Hiện con chung đang ở với anh B. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp anh B yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh B thì chị đồng ý với số tiền cấp dưỡng theo phương thức hàng tháng anh B đưa ra. Nếu anh B yêu cầu cấp dưỡng một lần thì chị không có khả năng nên chị chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, chị xin tự thỏa thuận với anh B.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn B:

Anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập để tiến hành lấy lời khai nhưng anh B không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương và gia đình anh Nguyễn Văn B thể hiện: Anh Nguyễn Văn B hiện đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn VT, xã VQ, huyện TL, thành phố Hải Phòng; anh B ở cùng bố mẹ đẻ và đi làm cả ngày đến tối muộn mới về nên khi Tòa án đến làm việc không gặp được anh B.

Bà Bùi Thị Tuyền là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn B trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh B kết hôn với chị Vân A trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống chung với bố mẹ chồng. Khoảng năm 2017, bà Tuyền đã vay tiền để lo thủ tục cho chị Vân A đi xuất khẩu lao động tại Nhật. Trong thời gian ở Nhật, chị Vân A chỉ gửi đủ tiền trả nợ bà Tuyền đã vay để lo thủ tục cho chị Vân A đi Nhật. Đến năm 2019, vợ chồng anh B, chị Vân A xảy ra mâu thuẫn, cãi vã vì không tin tưởng nhau. Sau đó, anh B và chị Vân A không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Cuối năm 2022, chị Vân A về nước nhưng cũng không về nhà anh B, không quan tâm, thăm nom gì vợ chồng bà và anh B, chỉ đón con về Hải Dương chơi một thời gian sau đó tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Quan điểm của gia đình bà là mâu thuẫn giữa anh chị đã nghiêm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quan điểm của anh chị và quy định pháp luật. Anh B đã biết việc chị Vân A xin ly hôn nhưng quan điểm của anh B là yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định, anh B không ly hôn, không đến làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh chị có một con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015, hiện đang ở với anh B và vợ chồng bà Tuyên. Nếu anh B và chị Vân A ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu chị Vân A có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho cháu Q với mức từ 2.000.000 – 3.000.000 đồng một tháng.

Về tài sản chung: Bà Tuyên không biết về tài sản chung của anh B và chị Vân A.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Vân A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 28 tháng 4 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã không thể hàn gắn, nay chị Vân A đã không còn tình cảm với anh B, anh chị đã ly thân một thời gian dài. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Vân A được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Vân A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Q đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Vân A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Nguyên đơn là chị Phạm Thị Vân A hiện nay đang sinh sống ở Nhật Bản, bị đơn là anh Nguyễn Văn B hiện nay đang sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phạm Thị Vân A vắng mặt nhưng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn là anh Nguyễn Văn B vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt chị Phạm Thị Vân A và anh Nguyễn Văn B theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Vân A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương từ ngày 28/4/2014. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình anh Nguyễn Văn B thể hiện: Vợ chồng anh chị chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn từ sau khi chị Vân A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Từ khi chị Vân A sang Nhật Bản, anh chị sống ly thân, đến nay không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo hợp lệ cho anh B đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh B không có mặt theo lịch triệu tập của Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến về việc chị Vân A xin ly hôn gửi đến Tòa án. Qua lời trình bày của mẹ đẻ anh Nguyễn Văn B thì anh B đã biết việc chị Vân A xin ly hôn nhưng quan điểm của anh B là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, anh B không ly hôn, không đến làm việc tại Tòa án và không có ý kiến gì. Điều đó cho thấy dù anh B không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra giải pháp để hàn gắn tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng và không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị Vân A dành cho anh B không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài, cuộc sống chung không tồn tại nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Vân A đối với anh Nguyễn Văn B.

[4] Về con chung: Xét thấy cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015 hiện đang ở cùng với anh B. Ly hôn, chị Phạm Thị Vân A yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q cho anh B nuôi dưỡng. Dù anh B không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung, tuy nhiên xét thấy hiện nay cháu Q đang ăn ở sinh hoạt ổn định cùng anh B và ông bà nội. Cháu Q có ý kiến trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố nếu bố mẹ cháu ly hôn. Mặt khác, chị Vân A đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài, không đủ điều kiện để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu Q. Nhận thấy việc giao con chung cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện sinh hoạt và nguyện vọng của cháu Q, phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Vân A.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân A trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp anh B yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung thì chị đồng ý với số tiền cấp dưỡng theo phương thức hàng tháng anh B đưa ra. Tuy anh B không có quan điểm trình bày về việc cấp dưỡng nuôi con chung nhưng theo quy định “cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con” tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân gia đình, cần quyết định việc chị Vân A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng hàng tháng phù hợp với quy định pháp luật và điều kiện sinh hoạt và học tập của cháu Q. Mặt khác, bà Bùi Thị Tuyên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn B, ở cùng nhà và hỗ trợ anh B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q có ý kiến đề nghị chị Vân A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng mỗi tháng. Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/01 tháng đảm bảo được quyền lợi của cháu Q về chi phí sinh hoạt và học tập. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình, cần quyết định chị Vân A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng số tiền là 3.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi cháu Nguyễn Văn Q đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Vân A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Vân A là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Vân A và anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Vân A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Vân A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phạm Thị Vân A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Văn Q, sinh ngày 17/4/2015 mỗi tháng là 3.000.000 đồng theo hình thức cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu chị Phạm Thị Vân A chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Vân A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Vân A phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ, cộng bằng 600.000 (*sáu trăm nghìn*) đồng. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0000957 ngày 19 tháng 01 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Vân A còn phải nộp 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thị Vân A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Cẩm Chế, huyện Thanh Hà, tỉnh

Hải Dương;

- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Trọng Tuấn Vũ Thị Minh Nguyệt

Đặng Hồ Điệp

